



**Tổng Công ty Cổ phần  
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp Số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty (“GCNĐKDN”) đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 22 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Bà Teoh Kim Wei	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo  
Pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh  
Phường 12, Quận 5  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00493-25-1



Triệu Tích Quyên  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>22.678.040.434.933</b>	<b>24.115.296.003.502</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.868.932.106.996</b>	<b>3.197.402.607.546</b>
Tiền	111		151.932.106.996	329.804.607.546
Các khoản tương đương tiền	112		2.717.000.000.000	2.867.598.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.616.317.000.000</b>	<b>16.730.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	6(a)	15.616.317.000.000	16.730.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.474.506.046.993</b>	<b>3.011.383.696.374</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	1.498.883.031.698	1.672.553.205.928
Trả trước cho người bán	132		25.991.313.183	21.200.293.397
Phải thu về cho vay	135	8	461.719.706.807	437.475.682.192
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	1.775.799.658.330	1.157.385.248.400
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(287.887.663.025)	(277.230.733.543)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11(a)</b>	<b>559.546.921.726</b>	<b>1.016.173.991.242</b>
Hàng tồn kho	141		571.938.526.999	1.038.325.359.355
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.391.605.273)	(22.151.368.113)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>158.738.359.218</b>	<b>160.335.708.340</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	118.092.418.969	125.826.272.256
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.234.033.199	22.319.076.524
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(b)	4.411.907.050	12.190.359.560

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>6.791.830.900.664</b>	<b>5.413.501.415.256</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>340.994.065.559</b>	<b>341.151.085.559</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	340.994.065.559	341.151.085.559
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.117.842.320.278</b>	<b>1.139.363.639.920</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	251.424.151.847	294.661.100.524
<i>Nguyên giá</i>	222		3.668.681.046.422	3.627.024.048.648
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.417.256.894.575)	(3.332.362.948.124)
Tài sản cố định vô hình	227	14	866.418.168.431	844.702.539.396
<i>Nguyên giá</i>	228		1.023.478.430.865	981.318.152.970
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(157.060.262.434)	(136.615.613.574)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>39.669.646.890</b>	<b>48.080.797.938</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		112.364.600.461	112.364.600.461
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(72.694.953.571)	(64.283.802.523)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>79.844.252.398</b>	<b>96.307.399.286</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	79.844.252.398	96.307.399.286
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.997.348.273.210</b>	<b>3.564.574.597.515</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	6(c)	3.153.019.479.350	3.039.072.394.329
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	6(c)	608.980.350.635	613.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(c)	546.287.362.407	569.372.362.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(645.938.919.182)	(657.575.509.856)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	255	6(b)	1.335.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>216.132.342.329</b>	<b>224.023.895.038</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	65.232.899.968	65.689.901.756
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	132.527.331.018	136.864.410.350
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	18.372.111.343	21.469.582.932
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>29.469.871.335.597</b>	<b>29.528.797.418.758</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>8.811.053.721.648</b>	<b>7.935.170.566.006</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.723.003.536.581</b>	<b>7.848.003.546.758</b>
Phải trả người bán	311	18	4.657.041.155.217	4.307.947.329.896
Người mua trả tiền trước	312		13.961.166.545	19.964.720.060
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	377.364.075.268	426.737.847.446
Phải trả người lao động	314		22.172.169.367	46.928.695.916
Chi phí phải trả	315	20	258.089.199.523	278.194.173.198
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	3.340.319.673.627	2.714.875.683.208
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	54.056.097.034	53.355.097.034
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>88.050.185.067</b>	<b>87.167.019.248</b>
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	53.247.542.136	53.247.542.136
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	34.802.642.931	33.919.477.112
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>20.658.817.613.949</b>	<b>21.593.626.852.752</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>20.658.817.613.949</b>	<b>21.593.626.852.752</b>
Vốn cổ phần	411	25	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.072.374.091.909	8.007.183.330.712
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.878.719.029.360	3.775.246.732.311
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.193.655.062.549	4.231.936.598.401
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>29.469.871.335.597</b>	<b>29.528.797.418.758</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyễn Trung  
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>40.307.905.935.578</b>	<b>37.739.184.263.128</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>34.448.691.239.392</b>	<b>32.127.500.715.007</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>5.859.214.696.186</b>	<b>5.611.683.548.121</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	3.081.432.206.162	3.560.612.649.786
Chi phí tài chính	22	32	23.706.239.245	69.112.595.833
Chi phí bán hàng	25	33	3.625.457.289.949	3.833.568.260.824
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	457.428.263.811	411.535.811.152
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>4.834.055.109.343</b>	<b>4.858.079.530.098</b>
Thu nhập khác	31		7.562.443.565	4.669.151.935
Chi phí khác	32		6.251.562.690	16.870.685.102
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.310.880.875</b>	<b>(12.201.533.167)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.835.365.990.218</b>	<b>4.845.877.996.931</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>36</b>	<b>578.298.848.337</b>	<b>548.226.704.070</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>36</b>	<b>4.337.079.332</b>	<b>10.040.694.460</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>4.252.730.062.549</b>	<b>4.287.610.598.401</b>

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán

Người duyệt:


Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.835.365.990.218</b>	<b>4.845.877.996.931</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		113.843.946.359	120.920.798.715
Các khoản dự phòng	03		24.848.146.815	56.055.310.388
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		803.643.004	292.749.981
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(3.068.825.693.461)	(3.520.858.056.931)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.906.036.032.935</b>	<b>1.502.288.799.084</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		166.745.353.277	(853.436.360.660)
Biến động hàng tồn kho	10		465.884.400.540	(410.236.068.075)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		272.694.668.694	(125.011.825.659)
Biến động chi phí trả trước	12		16.802.961.441	(278.686.177)
			<b>2.828.163.416.887</b>	<b>113.325.858.513</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(622.739.562.115)	(530.689.976.357)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(42.483.314.975)	(65.806.886.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.162.940.539.797</b>	<b>(483.171.004.219)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, hai nhà máy này hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 12 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2024: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 6(c).



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2024: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	31/12/2024		1/1/2024	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Lô S, Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	84,46%	100%	70,55%	100%
<b>Các công ty liên kết</b>							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	50A, Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	16,89%	20,00%	14,11%	20,00%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	Số 8, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,79%	34,92%	29,47%	34,92%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 702 nhân viên (1/1/2024: 738 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 6 năm



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |        |
|--------------------------|--------|
| ▪ quyền sử dụng đất      | 43 năm |
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 20 năm |

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

***(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

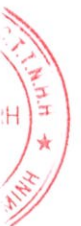
Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Trong năm, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 29 và Thuyết minh 30 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

01  
CH  
ON  
K  
/P

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	151.932.106.996	329.804.607.546
Các khoản tương đương tiền	2.717.000.000.000	2.867.598.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.868.932.106.996	3.197.402.607.546

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,60% đến 4,75% một năm (1/1/2024: từ 2,50% đến 4,00% một năm).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,30% đến 5,80% một năm (1/1/2024: từ 4,50% đến 9,20% một năm).

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,30% đến 5,90% một năm (1/1/2024: không).





**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Đầu tư vào các công ty con**

Tên công ty	31/12/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	84,46%	376.191.417.530	658.925.622.750	-	70,55%	262.244.332.509	527.159.477.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	77.123.067.000	(159.044.333.000)	62,06%	236.167.400.000	78.922.500.000	(157.244.900.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	627.682.116.667	-	66,56%	299.548.230.160	595.795.350.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	24.491.354.700	-	51,24%	17.650.697.182	34.041.046.350	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	38.240.538.000	(38.084.330.844)	54,73%	76.324.868.844	43.315.139.000	(33.009.729.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	302.505.300.000	(11.744.700.000)	68,78%	314.250.000.000	294.427.350.000	(19.822.650.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	190.873.620.000	-	52,11%	93.800.000.000	184.157.540.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-	90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,47%	83.141.000.000	(*)	-	94,45%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	(28.720.419.444)	91,24%	54.546.288.176	(*)	(13.716.054.085)



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)**

Tên công ty	31/12/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	-	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	100%	60.000.000	(*)	-	100%	60.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	100%	40.000.000.000	(*)	-	100%	40.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
		3.153.019.479.350		(237.593.783.288)		3.039.072.394.329		(223.793.333.929)

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào công ty con trong năm như sau:

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.039.072.394.329	2.877.202.995.029
Tăng trong năm	113.947.085.021	161.869.399.300
Số dư cuối năm	<u>3.153.019.479.350</u>	<u>3.039.072.394.329</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Tên công ty	31/12/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết</b>								
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	-	-	-	-	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	33.513.821.250	(273.678.750)	27,03%	33.787.500.000	37.017.585.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	413.546.609.000	-	32,22%	103.174.711.495	355.842.431.000	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20,00%	30.000.000.000	(*)	-	20,00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26,00%	26.000.000.000	(*)	-	26,00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20,00%	20.000.000.000	(*)	-	20,00%	20.000.000.000	(*)	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)**

Tên công ty	31/12/2024				1/1/2024			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng liên kết</b>								
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	(11.455.404.300)	45,00%	31.632.170.530	(*)	-
		608.980.350.635		(107.229.083.050)		613.705.350.635		(100.225.000.000)

Biến động của đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	613.705.350.635	613.705.350.635
Giảm trong năm	(4.725.000.000)	-
Số dư cuối năm	608.980.350.635	613.705.350.635



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Tên công ty	31/12/2024			1/1/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	(3.152.549.322)	46.000.000.000	(*)	(4.643.345.605)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	29.616.354.000	(21.858.786.000)	51.475.140.000	21.751.027.200	(29.724.112.800)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngầm	-	-	-	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.538.160.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	8.068.830.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	126.429.237.491	255.553.866.300	-	126.429.237.491	248.453.950.100	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	<u>546.287.362.407</u>		<u>(301.116.052.844)</u>	<u>569.372.362.407</u>		<u>(333.557.175.927)</u>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	569.372.362.407	569.372.362.407
Giảm trong năm	(23.085.000.000)	-
Số dư cuối năm	546.287.362.407	569.372.362.407

**(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	657.575.509.856	596.853.422.366
Dự phòng trích lập trong năm	33.607.482.409	64.635.794.490
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(21.034.073.083)	(3.913.707.000)
Dự phòng sử dụng trong năm	(24.210.000.000)	-
Số dư cuối năm	645.938.919.182	657.575.509.856

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.180.823.494.543	1.323.840.935.434
Các khách hàng khác	318.059.537.155	348.712.270.494
	1.498.883.031.698	1.672.553.205.928

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.180.823.494.543	1.323.840.935.434
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	34.567.698.610	36.161.791.739
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	14.037.688.251	13.049.664.408
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	10.961.135.509	26.868.548.758
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	9.647.942.470	5.717.770.157
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	8.683.363.918	8.565.850.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	7.134.381.466	5.111.323.284
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	5.424.300.951	1.237.020.209
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	4.218.354.744	2.224.637.769
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	1.087.767.291	3.704.620.365
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	860.952.956	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	456.281.707	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	332.464.664	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	224.787.200	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	219.929.600	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	219.612.800	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	217.456.800	-
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	166.217.700	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	131.218.266	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	-	46.913.580
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	-	1.367.604
<b>Các công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	74.840.176.095	53.520.925.283
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	64.259.344.007	61.408.565.384
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	21.578.153.374	18.336.420.033
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.988.919.539	55.929.157.290
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	10.101.178.680	14.760.400.794
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	7.914.072.127	4.121.659.864
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	1.712.468.742	15.757.046.696
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	1.098.199.869	1.122.677.027



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu về cho vay**

	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty con</i>			
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	2025	461.719.706.807	437.475.682.192

Khoản cho một công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 5,6% một năm (1/1/2024: 5,0% đến 5,8% một năm). Tiền lãi của các khoản cho vay này được nhận vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ trước hạn (nếu có) của các hợp đồng cho vay tương ứng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Trong năm, ngày đáo hạn ban đầu vào năm 2024 của các khoản cho vay ngắn hạn này đã được gia hạn đến năm 2025.

**9. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tạm ứng cho việc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (*) (Thuyết minh 39)	832.426.956.680	-
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	351.358.710.802	561.675.819.817
Phải thu về cổ tức	295.783.084.317	295.089.544.431
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết (Thuyết minh 10)	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu khác	19.000.172.988	23.389.150.609
	1.775.799.658.330	1.157.385.248.400

(\*) Khoản phải thu này phản ánh khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, theo quy định của Luật Chứng khoán, cho việc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan***

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty mẹ cấp trung gian</i></b>		
BeerCo Limited	-	49.197.000
<b><i>Các công ty con</i></b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	112.286.346.499	83.899.348.477
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	46.076.790.219	76.430.448.702
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	3.799.212.014	3.680.497.324
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	3.422.834.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	1.287.204.098	1.141.524.390
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	1.068.279.206	3.598.810.351
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	-	9.654.224.262
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	-	631.706.174
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	-	614.266.974
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	-	334.060.169
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	-	312.960.056
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	234.267.991
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	196.942.081
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	-	118.528.934
<b><i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i></b>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	64.200.000.000	64.200.000.000
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	44.242.171.746	43.802.647.026
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	14.426.044.500	412.007.664
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	-	6.971.692.050
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	2.021.512.801
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	1.628.963.161
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	634.992.585
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	380.140.249
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	-	223.638.844
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	-	172.648.858
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	-	168.938.232
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	166.210.711

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Phải thu Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh, một công ty con	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	12.920.563.341	13.077.583.341
	<b>340.994.065.559</b>	<b>341.151.085.559</b>

**10. Dự phòng phải thu khó đòi**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị có thể</b> <b>thu hồi</b> <b>VND</b>
Phải thu của khách hàng	19.988.919.539	(10.656.929.482)
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)
	<b>297.219.653.082</b>	<b>(287.887.663.025)</b>
	<b>297.219.653.082</b>	<b>9.331.990.057</b>
	<b>277.230.733.543</b>	<b>(277.230.733.543)</b>
	<b>277.230.733.543</b>	<b>-</b>

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	277.230.733.543	285.230.733.543
Dự phòng trích lập trong năm	10.656.929.482	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(8.000.000.000)
Số dư cuối năm	<b>287.887.663.025</b>	<b>277.230.733.543</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	75.584.452.041	-	198.977.568.976	-
Nguyên vật liệu	377.389.197.309	(541.425.458)	700.169.207.152	(784.667.164)
Công cụ và dụng cụ	22.461.383.901	(11.850.179.815)	29.613.406.491	(21.366.700.949)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.782.418.658	-	77.207.754.397	-
Thành phẩm	20.196.689.854	-	19.274.649.640	-
Hàng hóa	3.524.385.236	-	13.082.772.699	-
	<b>571.938.526.999</b>	<b>(12.391.605.273)</b>	<b>1.038.325.359.355</b>	<b>(22.151.368.113)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 12.392 triệu VND (1/1/2024: 22.151 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	22.151.368.113	24.858.993.812
Dự phòng trích lập trong năm	599.758.125	2.080.917.950
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(7.725.642.465)	(3.117.374.501)
Dự phòng sử dụng trong năm	(2.633.878.500)	(1.671.169.148)
Số dư cuối năm	<b>12.391.605.273</b>	<b>22.151.368.113</b>

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	53.060.306.759	(34.688.195.416)	55.191.753.443	(33.722.170.511)

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	33.722.170.511	33.177.394.330
Dự phòng trích lập trong năm	3.840.592.596	5.121.527.031
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.874.567.691)	(4.576.750.850)
	34.688.195.416	33.722.170.511

## 12. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	110.396.432.990	120.492.693.399
Chi phí khác	7.695.985.979	5.333.578.857
	118.092.418.969	125.826.272.256

### (b) Chi phí trả trước dài hạn

	<b>Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*)</b>	<b>Bao bì luân chuyển</b>	<b>Công cụ và dụng cụ</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	51.602.316.000	1.591.481.813	12.496.103.943	65.689.901.756
Tăng trong năm	-	-	125.350.000	125.350.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	8.612.106.366	8.612.106.366
Phân bổ trong năm	-	(995.432.845)	(8.199.025.309)	(9.194.458.154)
	51.602.316.000	596.048.968	13.034.535.000	65.232.899.968

(\*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 21(b)).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	527.774.586.582	2.918.292.957.837	54.949.941.105	126.006.563.124	3.627.024.048.648
Tăng trong năm	-	4.483.580.000	-	2.212.619.818	6.696.199.818
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	29.671.213.518	-	5.383.784.438	35.054.997.956
Điều chỉnh	-	-	-	(94.200.000)	(94.200.000)
Số dư cuối năm	527.774.586.582	2.952.447.751.355	54.949.941.105	133.508.767.380	3.668.681.046.422
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	452.020.476.764	2.712.965.849.620	53.667.512.913	113.709.108.827	3.332.362.948.124
Khấu hao trong năm	8.480.856.344	69.040.209.013	350.136.948	7.116.944.146	84.988.146.451
Điều chỉnh	-	-	-	(94.200.000)	(94.200.000)
Số dư cuối năm	460.501.333.108	2.782.006.058.633	54.017.649.861	120.731.852.973	3.417.256.894.575
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	75.754.109.818	205.327.108.217	1.282.428.192	12.297.454.297	294.661.100.524
Số dư cuối năm	67.273.253.474	170.441.692.722	932.291.244	12.776.914.407	251.424.151.847

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá là 2.591.071 triệu VND (1/1/2024: 2.589.099 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 102.584 triệu VND (1/1/2024: 97.973 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mà Tổng Công ty cho các công ty con và các công ty liên kết thuê để hưởng thu nhập cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 25.868 triệu VND (1/1/2024: 25.368 triệu VND).

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất (*) VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	906.610.413.944	74.707.739.026	981.318.152.970
Tăng trong năm	-	719.870.000	719.870.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	41.440.407.895	41.440.407.895
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>906.610.413.944</b>	<b>116.868.016.921</b>	<b>1.023.478.430.865</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	69.861.308.175	66.754.305.399	136.615.613.574
Khấu hao trong năm	3.963.119.556	16.481.529.304	20.444.648.860
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>73.824.427.731</b>	<b>83.235.834.703</b>	<b>157.060.262.434</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	836.749.105.769	7.953.433.627	844.702.539.396
Số dư cuối năm	832.785.986.213	33.632.182.218	866.418.168.431

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 64.257 triệu VND (1/1/2024: 63.902 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (\*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, và lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi nhận tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 21(a)).

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính này, Tổng Công ty đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

12-0  
IAI  
YT  
MC  
00

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m <sup>2</sup>	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tổng Công ty cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 44.286 triệu VND (2024: 44.857 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

## 15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	22.749.382.633	89.615.217.828	112.364.600.461
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	9.741.053.414	54.542.749.109	64.283.802.523
Khấu hao trong năm	527.364.684	7.883.786.364	8.411.151.048
Số dư cuối năm	10.268.418.098	62.426.535.473	72.694.953.571
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	13.008.329.219	35.072.468.719	48.080.797.938
Số dư cuối năm	12.480.964.535	27.188.682.355	39.669.646.890

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	96.307.399.286	37.111.124.352
Tăng trong năm	68.644.365.329	89.680.112.964
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(35.054.997.956)	(12.075.227.389)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(41.440.407.895)	(8.894.724.929)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(8.612.106.366)	(6.364.389.575)
Chuyển sang chi phí	-	(3.149.496.137)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>79.844.252.398</b>	<b>96.307.399.286</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Dự án hệ thống sản xuất bia thử Pilot	12.968.044.000	8.044.000
Dự án Sabeco 4.0	1.447.955.040	37.720.470.291
Các công trình khác	22.131.889.722	15.282.521.359
<b>Tổng cộng</b>	<b>79.844.252.398</b>	<b>96.307.399.286</b>

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	62.870.008.756	68.504.514.000
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	58.109.976.229	57.185.188.625
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	9.415.960.137	11.174.707.725
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.131.385.896	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>132.527.331.018</b>	<b>136.864.410.350</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	446.313.320.167	334.452.974.387
Các nhà cung cấp khác	4.210.727.835.050	3.973.494.355.509
	<hr/>	<hr/>
	4.657.041.155.217	4.307.947.329.896

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	384.233.608.820	185.963.738.936
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	261.304.645.144	242.752.313.421
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	211.947.177.947	75.668.838.210
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	211.153.503.586	162.406.645.643
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	147.269.411.035	214.600.357.103
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	140.690.077.211	138.853.384.485
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	127.360.618.112	129.342.548.075
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	118.456.608.837	185.595.061.536
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	118.339.194.478	201.408.227.798
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	112.866.961.434	204.862.638.545
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	111.753.096.045	115.432.247.629
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	71.100.997.760	35.167.612.347
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	68.395.874.096	131.885.422.776
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	49.295.616.625	30.860.506.280
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	41.496.087.134	38.028.310.220
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	29.759.879.640	30.154.831.787
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	29.425.782.060	25.676.533.419
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	26.015.219.445	60.566.782.793
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	14.158.378.311	12.933.508.940
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	11.272.782.616	4.052.627.385
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	5.996.954.300	8.706.522.400
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	5.468.940.333	2.493.315.131
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	4.435.466.576	8.753.746.610
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	615.988.069	1.047.621.104



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2024 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Đã nộp VND</b>	<b>Cán trừ VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	226.786.750.653	2.556.767.526.423	(2.557.678.625.005)	-	225.875.652.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.026.186.580	578.298.848.337	(622.739.562.115)	-	144.585.472.802
Thuế giá trị gia tăng	-	4.973.481.173.545	(735.544.076.238)	(4.237.937.097.307)	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.787.039.811	50.592.821.191	(54.236.400.686)	-	4.143.460.316
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.640.472.095	(2.640.472.095)	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.806	54.201.970.065	(46.423.517.555)	(7.778.452.510)	1.581.049.806
Thuế tài nguyên	2.115.680	23.819.040	(24.749.760)	-	1.184.960
Các loại thuế khác	1.554.704.916	32.914.685.112	(33.292.134.715)	-	1.177.255.313
	<b>426.737.847.446</b>	<b>8.248.921.315.808</b>	<b>(4.052.579.538.169)</b>	<b>(4.245.715.549.817)</b>	<b>377.364.075.268</b>

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2024 VND</b>	<b>Cán trừ VND</b>	<b>31/12/2024 VND</b>
Tiền thuê đất	12.190.359.560	(7.778.452.510)	4.411.907.050

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	227.323.028.036	258.495.561.116
Chi phí phải trả khác	30.766.171.487	19.698.612.082
	258.089.199.523	278.194.173.198
	258.089.199.523	278.194.173.198

**21. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	2.573.148.117.850	1.932.197.923.050
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Phải trả ngắn hạn khác	31.791.683.077	47.297.887.458
	3.340.319.673.627	2.714.875.683.208
	3.340.319.673.627	2.714.875.683.208

(\*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 14).



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan***

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Các công ty mẹ cấp trung gian</i></b>		
Thai Beverage Public Company Limited	1.038.781.316	1.267.545.263
BeerCo Limited	9.030.113.282	12.133.885.468
<b><i>Công ty mẹ</i></b>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.374.570.348.000	1.030.927.761.000
<b><i>Các công ty con</i></b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	350.916.554	195.775.466
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	-	11.999.105
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	4.741.181.625
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	2.548.633.504
<b><i>Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i></b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	287.780.949	287.780.949
<b><i>Bên liên quan khác</i></b>		
Chang International Co., Ltd	1.583.961.112	800.960.616

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 12(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	1.645.226.136	1.645.226.136
	<b>53.247.542.136</b>	<b>53.247.542.136</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	53.355.097.034	78.333.325.252
Trích lập trong năm (Thuyết minh 24)	38.075.000.000	37.374.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	(1.785.186.648)	(508.189.026)
Sử dụng trong năm	(35.588.813.352)	(61.844.039.192)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	54.056.097.034	53.355.097.034

## **23. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	33.919.477.112	34.057.421.027
Dự phòng trích lập trong năm	7.777.667.442	3.824.903.268
Dự phòng sử dụng trong năm	(6.894.501.623)	(3.962.847.183)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	34.802.642.931	33.919.477.112

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	6.412.811.860.000	760.819.802.040	13.073.315.740.285	20.246.947.402.325
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.287.610.598.401	4.287.610.598.401
Cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 27)	6.412.811.860.000	-	(6.412.811.860.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 27)	-	-	(2.885.765.337.000)	(2.885.765.337.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(37.374.000.000)	(37.374.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	508.189.026	508.189.026
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(18.300.000.000)	(18.300.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	<b>12.825.623.720.000</b>	<b>760.819.802.040</b>	<b>8.007.183.330.712</b>	<b>21.593.626.852.752</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.252.730.062.549	4.252.730.062.549
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 27)	-	-	(5.130.249.488.000)	(5.130.249.488.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(38.075.000.000)	(38.075.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	1.785.186.648	1.785.186.648
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>12.825.623.720.000</b>	<b>760.819.802.040</b>	<b>7.072.374.091.909</b>	<b>20.658.817.613.949</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

## 26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 27. Cổ tức bằng tiền và cổ phiếu thưởng

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (2023: 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 30 tháng 10 năm 2024 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (2023: 1.923.844 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 22 tháng 8 năm 2023 đã thông qua việc tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tỷ lệ phát hành là 1:1 và số lượng cổ phiếu mới phát hành là 641.281.186 có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	49.242.908.700	51.276.782.654
Từ hai đến năm năm	13.642.039.375	48.281.122.405
Sau năm năm	42.869.009.697	45.174.336.989
	105.753.957.772	144.732.242.048

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	192.511	4.863.778.540	314.255	7.571.346.197
EUR	1.698	44.258.093	3.401	89.958.414
AUD	828	12.967.082	828	13.576.957
		4.921.003.715		7.674.881.568

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	21.303.604.817	40.661.420.073

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	27.656.256.686.056	25.883.951.372.049
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	8.797.149.547.001	7.878.742.498.387
▪ Doanh thu bán thành phẩm	3.758.915.636.101	3.910.856.454.880
▪ Doanh thu khác	95.584.066.420	65.633.937.812
	<hr/>	<hr/>
	40.307.905.935.578	37.739.184.263.128
	<hr/>	<hr/>

## 30. Giá vốn hàng bán

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	23.218.492.129.352	21.797.501.014.114
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	8.798.952.522.135	7.894.988.275.385
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.401.963.929.720	2.420.542.216.027
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(6.159.859.435)	(491.680.370)
Giá vốn khác	35.442.517.620	14.960.889.851
	<hr/>	<hr/>
	34.448.691.239.392	32.127.500.715.007
	<hr/>	<hr/>

## 31. Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	2.075.821.467.988	2.230.536.585.131
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	993.004.225.473	1.290.161.471.800
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.606.512.701	39.914.592.855
	<hr/>	<hr/>
	3.081.432.206.162	3.560.612.649.786
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.573.409.326	60.722.087.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	10.329.186.915	8.097.758.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	803.643.004	292.749.981
	<hr/>	<hr/>
	23.706.239.245	69.112.595.833

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	3.559.034.559.761	3.739.958.824.395
Chi phí nhân viên	42.014.094.511	64.417.738.233
Chi phí bán hàng khác	24.408.635.677	29.191.698.196
	<hr/>	<hr/>
	3.625.457.289.949	3.833.568.260.824

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	225.926.470.497	222.424.042.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.388.422.915	94.064.434.927
Chi phí thuê	55.216.918.900	53.964.719.983
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.316.261.009	13.313.005.432
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	53.580.190.490	27.769.608.280
	<hr/>	<hr/>
	457.428.263.811	411.535.811.152

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.831.521.573.696	3.993.420.046.631
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.068.466.680.497	2.067.910.980.361
Chi phí nhân công và nhân viên	355.766.395.964	367.213.366.403
Chi phí khấu hao và phân bổ	113.843.946.359	120.920.798.715
Chi phí khác	155.411.035.847	126.213.159.681

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	577.904.861.372	546.626.999.955
Dự phòng thiếu trong những năm trước	393.986.965	1.599.704.115
	578.298.848.337	548.226.704.070
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	4.337.079.332	10.040.694.460
	582.635.927.669	558.267.398.530



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.835.365.990.218	4.845.877.996.931
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	967.073.198.044	969.175.599.386
Thu nhập được miễn thuế	(415.164.293.598)	(446.107.317.026)
Chi phí không được khấu trừ thuế	30.699.103.256	32.053.527.830
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(366.066.998)	1.545.884.225
Dự phòng thiếu trong những năm trước	393.986.965	1.599.704.115
	<b>582.635.927.669</b>	<b>558.267.398.530</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
<b>Các công ty mẹ cấp trung gian</b>		
<b>Thai Beverage Public Company Limited</b>		
Chi hộ Tổng Công ty	257.060.584	1.267.545.263
<b>BeerCo Limited</b>		
Chi hộ Tổng Công ty	19.318.898.028	16.590.449.838
Giao dịch khác	-	111.744.000
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty TNHH Vietnam Beverage</b>		
Cổ tức công bố	2.749.140.696.000	1.546.391.641.500

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	31.197.007.898.165	29.618.503.713.233
Doanh thu khác	30.706.865.795	26.175.991.264
Mua hàng hóa	23.286.542.280	17.862.210.360
Mua dịch vụ	19.754.037.000	21.840.753.600
Chi phí vận chuyển	1.636.447.813	1.562.048.201
Chi phí thuê pallet	2.163.395.033	869.915.091
Chi phí sử dụng vỏ chai	26.941.524.424	22.179.438.896
Lợi nhuận được chia	1.011.419.486.872	936.367.215.383
Giao dịch khác	(4.741.181.625)	1.645.226.136
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi</b>		
Bán nguyên vật liệu	1.428.448.111.286	1.272.011.333.624
Doanh thu khác	103.544.000	-
Mua hàng hóa	3.633.117.527.970	3.415.381.533.190
Mua nguyên vật liệu	44.583.192	87.210.673
Thu nhập từ cổ tức	59.900.000.000	44.925.000.000
Giao dịch khác	505.168.902	8.470.414.754
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng</b>		
Bán nguyên vật liệu	908.017.665.102	847.090.844.536
Doanh thu khác	172.253.333	-
Mua hàng hóa	2.293.801.568.990	2.268.266.565.410
Mua nguyên vật liệu	-	695.504.788
Thu nhập từ cổ tức	26.456.250.000	10.582.500.000
Giao dịch khác	237.633.093	302.522.415
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam</b>		
Bán nguyên vật liệu	679.505.525.205	555.675.843.668
Doanh thu khác	153.768.000	-
Mua hàng hóa	1.851.152.751.020	1.621.122.513.990
Mua nguyên vật liệu	-	226.478.513
Thu nhập từ cổ tức	21.665.000.000	9.285.000.000
Giao dịch khác	263.600.240	208.223.527
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</b>		
Bán nguyên vật liệu	581.197.311.970	458.103.835.544
Doanh thu khác	154.092.000	-
Mua hàng hóa	1.485.863.286.840	1.258.139.250.100
Mua nguyên vật liệu	95.700.000	-
Giao dịch khác	268.091.799	367.124.970

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Bán nguyên vật liệu	568.388.685.839	501.550.528.550
Doanh thu khác	1.706.047.788	1.554.115.788
Mua hàng hóa	1.444.787.032.150	1.295.512.709.450
Mua vật liệu bao bì	1.058.844.072	549.738.000
Lợi nhuận được chia	42.377.685.907	47.205.613.480
Giao dịch khác	289.914.600	234.368.619
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội</b>		
Bán nguyên vật liệu	456.925.017.090	404.370.437.471
Doanh thu khác	153.084.000	-
Mua hàng hóa	1.227.942.524.450	1.154.885.859.320
Mua nguyên vật liệu	438.245.389	45.910.050
Thu nhập từ cổ tức	18.760.000.000	18.760.000.000
Giao dịch khác	32.428.760	101.359.520
<b>Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân</b>		
Bán nguyên vật liệu	220.506.804.656	215.870.750.452
Doanh thu khác	532.533.600	377.505.600
Mua hàng hóa	581.812.191.400	517.911.465.700
Thu nhập từ cổ tức	768.525.000	768.525.000
Giao dịch khác	40.170.000	50.650.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh</b>		
Bán nguyên vật liệu	162.263.664.213	124.822.104.015
Doanh thu khác	154.632.000	-
Mua hàng hóa	480.363.284.880	385.953.741.940
Mua nguyên vật liệu	1.296.822.154	339.145.091
Thu nhập từ cổ tức	2.873.500.000	2.873.500.000
Giao dịch khác	50.019.234	25.322.442
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>		
Bán nguyên vật liệu	79.708.772.925	82.942.617.791
Doanh thu khác	154.560.000	-
Mua hàng hóa	352.264.383.040	365.903.882.170
Thu nhập từ cổ tức	55.182.350.000	20.459.500.000
Mua lại cổ phần từ các cổ đông khác	116.974.400.000	164.415.500.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Bán nguyên vật liệu	167.946.000	71.127.000
Doanh thu khác	20.000.000	-
Mua hàng hóa	1.332.586.946	828.259.221
Mua dịch vụ	10.091.043.011	2.202.774.193
Cho vay	24.244.024.615	387.475.682.192
Thu nhập từ tiền lãi	24.362.739.305	14.794.535.680



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Bán nguyên vật liệu	159.768.000	-
Doanh thu khác	3.253.750.924	-
Mua hàng hóa	-	189.674.920
Hỗ trợ chi phí bán hàng	155.543.423.379	212.845.329.279
Chi phí vật phẩm quảng cáo	11.905.765.496	21.900.716.270
Thu nhập từ cổ tức	100.789.010.089	141.975.347.176
Giao dịch khác	6.192.986.841	3.841.704.306
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc</b>		
Bán nguyên vật liệu	100.353.300	34.704.600
Doanh thu khác	3.486.060.928	-
Mua hàng hóa	882.110.960	807.339.540
Hỗ trợ chi phí bán hàng	192.168.330.412	197.784.408.232
Chi phí vật phẩm quảng cáo	14.328.817.219	6.260.131.758
Thu nhập từ cổ tức	64.149.165.046	94.432.386.255
Giao dịch khác	172.230.995	509.022.061
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc</b>		
Bán nguyên vật liệu	81.258.690	-
Doanh thu khác	2.756.674.624	-
Mua hàng hóa	-	5.607.360
Hỗ trợ chi phí bán hàng	89.714.384.369	82.362.376.264
Chi phí vật phẩm quảng cáo	8.101.494.065	5.823.001.756
Thu nhập từ cổ tức	9.921.246.172	32.791.684.334
Giao dịch khác	95.108.115	125.325.258
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ</b>		
Bán nguyên vật liệu	31.320.000	64.110.513
Doanh thu khác	2.289.541.876	-
Mua hàng hóa	3.470.000	12.225.760
Hỗ trợ chi phí bán hàng	135.274.208.685	129.827.645.475
Chi phí vật phẩm quảng cáo	7.938.520.542	5.886.565.141
Thu nhập từ cổ tức	43.897.077.497	59.339.679.444
Giao dịch khác	5.038.952.894	4.839.639.828
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn</b>		
Bán nguyên vật liệu	16.479.900	44.696.255
Doanh thu khác	197.688.000	-
Mua hàng hóa	1.091.043.240	3.309.200
Hỗ trợ chi phí bán hàng	367.955.541.733	216.028.458.527
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.574.619.316	962.671.160
Lợi nhuận được chia	128.197.880.295	76.430.448.702
Giao dịch khác	56.828.300	-



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm</b>		
Bán nguyên vật liệu	4.015.800	7.261.800
Doanh thu khác	2.086.980.805	-
Mua hàng hóa	4.246.967.160	5.370.399.760
Mua vật liệu bao bì	-	17.220.000
Hỗ trợ chi phí bán hàng	307.841.167.594	336.295.373.462
Chi phí vật phẩm quảng cáo	9.113.989.842	10.364.524.210
Thu nhập từ cổ tức	41.630.111.017	93.133.473.353
Giao dịch khác	738.660.882	3.102.062.157
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên</b>		
Doanh thu khác	3.049.255.600	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	143.699.808.689	151.034.289.414
Chi phí vật phẩm quảng cáo	8.708.244.129	7.943.370.913
Thu nhập từ cổ tức	43.147.718.948	62.184.664.306
Giao dịch khác	2.061.157.057	1.527.312.946
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông</b>		
Doanh thu khác	3.003.301.684	-
Mua hàng hóa	16.302.180	171.433.860
Hỗ trợ chi phí bán hàng	211.693.444.461	213.945.143.095
Chi phí vật phẩm quảng cáo	12.371.661.567	13.194.332.129
Thu nhập từ cổ tức	121.812.174.000	149.319.432.900
Giao dịch khác	1.214.366.003	1.377.230.523
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Bán nguyên vật liệu	-	5.586.191
Doanh thu khác	2.876.205.892	-
Mua hàng hoá	-	60.801.400
Hỗ trợ chi phí bán hàng	143.700.213.135	212.502.334.102
Chi phí vật phẩm quảng cáo	10.070.556.399	10.981.369.700
Thu nhập từ cổ tức	71.942.400.000	100.080.000.000
Giao dịch khác	2.394.948.445	1.399.080.717
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Doanh thu khác	2.527.474.024	-
Mua hàng hóa	-	340.459.480
Hỗ trợ chi phí bán hàng	65.148.545.906	89.370.293.882
Chi phí vật phẩm quảng cáo	6.701.433.490	8.804.028.306
Giao dịch khác	1.239.537.827	1.474.821.471

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ</b>		
Doanh thu khác	2.466.959.656	635.930.000
Mua hàng hóa	16.818.600	12.678.640
Hỗ trợ chi phí bán hàng	149.377.617.743	175.263.752.257
Chi phí vật phẩm quảng cáo	10.790.057.698	10.288.761.594
Thu nhập từ cổ tức	76.484.040.102	134.304.252.099
Giao dịch khác	2.746.932.232	4.769.158.818
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Doanh thu khác	269.387.927	138.085.982
Mua dịch vụ bảo trì	38.294.863.787	38.020.187.877
Mua công cụ và dụng cụ	12.478.087.296	22.578.280.585
Lợi nhuận được chia	7.463.114.830	3.456.071.673
Giao dịch khác	2.853.978.526	-
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn</b>		
Doanh thu khác	151.107.000	-
Mua vật liệu bao bì	217.393.816.250	206.914.460.220
Giao dịch khác	155.141.088	-
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	517.120.000	677.598.000
Thu nhập từ cổ tức	6.422.834.000	6.422.834.000
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn</b>		
Góp vốn	-	50.000.000
<b>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</b>		
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây</b>		
Bán nguyên vật liệu	701.743.097.473	662.170.097.085
Mua hàng hóa	1.805.890.146.330	1.756.634.387.300
Mua nguyên vật liệu	-	37.518.000
Thu nhập từ cổ tức	14.372.300.000	7.186.150.000
Giao dịch khác	352.390.773	307.722.507
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung</b>		
Bán nguyên vật liệu	400.054.343.224	344.316.337.598
Mua hàng hóa	1.026.111.425.170	1.072.976.287.260
Mua nguyên vật liệu	23.276.603.655	867.825.179
Thu nhập từ cổ tức	48.086.815.000	43.278.133.500
Giao dịch khác	200.618.091	180.821.536

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre</b>		
Bán nguyên vật liệu	391.491.843.422	329.922.251.844
Mua hàng hóa	1.010.309.483.610	915.125.207.400
Mua vật liệu bao bì	5.440.861.922	-
Thu nhập từ cổ tức	-	1.000.000.000
Giao dịch khác	181.912.317	190.248.984
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>		
Bán nguyên vật liệu	380.757.940.617	342.787.576.481
Mua hàng hóa	994.536.815.360	849.780.900.170
Mua nguyên vật liệu	-	11.988.307
Thu nhập từ cổ tức	1.500.000.000	4.500.000.000
Giao dịch khác	123.391.983	110.277.456
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa</b>		
Bán nguyên vật liệu	314.544.631.640	295.466.785.546
Mua hàng hóa	778.843.862.900	778.055.911.200
Mua nguyên vật liệu	2.175.000	687.869.923
Giao dịch khác	117.259.065	93.981.918
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang</b>		
Bán nguyên vật liệu	242.421.004.559	325.563.423.603
Doanh thu khác	-	32.791.500
Mua hàng hóa	681.604.960.930	879.507.165.000
Mua nguyên vật liệu	1.913.695.691	4.895.240
Giao dịch khác	132.447.525	180.400.179
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Bán nguyên vật liệu	241.882.736.055	214.594.785.873
Mua hàng hóa	620.995.469.030	596.434.545.450
Thu nhập từ cổ tức	-	2.881.500.000
Giao dịch khác	77.685.348	204.881.484
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ</b>		
Bán nguyên vật liệu	211.995.403.808	164.603.225.959
Mua hàng hóa	542.111.649.150	488.674.820.020
Mua nguyên vật liệu	38.118.000	-
Thu nhập từ cổ tức	3.378.750.000	1.689.375.000
Giao dịch khác	61.723.350	135.876.714
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Bán nguyên vật liệu	56.053.841.204	49.348.198.953
Mua hàng hóa	267.880.398.900	276.598.490.120

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn</b>		
Mua vật liệu bao bì	1.920.661.285.346	2.179.224.235.814
Giao dịch khác	2.153.559.467	5.772.116.931
<b>Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ</b>		
Mua vật liệu bao bì	58.038.966.240	71.307.230.000
Lợi nhuận được chia	8.789.550.000	-
Giao dịch khác	-	12.938.182
<b>Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh</b>		
Mua dịch vụ	5.844.832.828	5.445.784.613
Lợi nhuận được chia	44.242.171.746	43.802.647.026
<b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</b>		
Lợi nhuận được chia	-	64.200.000.000
<b>Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam</b>		
Lợi nhuận được chia	-	18.279.859.500
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Thipchalothorn Co., Ltd</b>		
Bán hàng hóa	276.592.726	293.015.812
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	221.039.904	48.988.870
<b>Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD</b>		
Doanh thu khác	12.335.033	5.909.092
<b>Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam</b>		
Mua vật liệu bao bì	1.583.688.973.838	1.437.019.794.118
Giao dịch khác	1.407.987.664	173.910.751
<b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>		
Mua hàng hóa	3.178.592.633	1.110.876.850
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	(476.629.420)
<b>Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	808.042.105	-
<b>ASM Management Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	34.900.875	-
<b>Chang International Co., Ltd</b>		
Chi hệ Tổng Công ty	853.160.460	800.594.316
<b>Chang Beer Co., Ltd</b>		
Chi hệ Tổng Công ty	-	1.082.366.141



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>C.A.I Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	-	759.058.000
<b>Dhospaak Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	-	164.402.411
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	676.000.000	676.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên	988.000.000	988.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	910.000.000	838.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	910.000.000	838.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	910.000.000	838.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	910.000.000	838.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	32.377.865.340	31.119.357.392
<b>Ủy ban Kiểm toán</b>		
Thù lao	1.014.000.000	1.014.000.000

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	3.326.470.557	15.058.041.098
Chuyển đổi phải thu lãi từ cho vay thành phải thu về cho vay	24.244.024.615	11.475.682.192

**39. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tổng Công ty đã mua thêm 37.814.900 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (Thuyết minh 9(a)), do đó tăng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Tổng Công ty như sau:

	<b>3/1/2025</b>		<b>31/12/2024</b>	
	<b>%</b>	<b>% quyền</b>	<b>%</b>	<b>% quyền</b>
	<b>sở hữu</b>	<b>biểu quyết</b>	<b>sở hữu</b>	<b>biểu quyết</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	65,00%	65,38%	21,80%	22,18%

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Văn Hòa  
Kế toán

Người duyệt:

Koo Liang Kwee  
Phó Tổng Giám đốc



Fan Teck Chuan Lester  
Tổng Giám đốc

